TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh và bà Trần Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/20223/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tú T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường D, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Thế V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Trần Thị Tú T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Dương Thế V kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Văn mải chơi cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn và không quan tâm đến vợ con dẫn đến trong cuộc sống luôn xảy ra to tiếng, đánh, cãi chửi nhau và sống không còn tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đem lại kết quả. Tháng 2/2019 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tổ dân phố Đ, phường D, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam sống, vợ chồng chị sống ly thân mỗi

người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn.

Anh Dương Thế V là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Về con chung: Chị Trần Thị Tú T và anh Dương Thế V có 02 con chung là cháu Dương Phú T, sinh ngày 01/11/2012 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 11/7/2018. Hiện nay cháu T và cháu H đang ở với chị T. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi cháu T và cháu H, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Tú T. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú T và anh Dương Thế V. Về con chung: Giao cháu Dương Phú T, sinh ngày 01/11/2012 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 11/7/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh V không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Dương Thế V là bị đơn; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Dương Thế V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tú T và anh Dương Thế V kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V mải chơi cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn và không quan tâm đến vợ con dẫn đến trong cuộc sống luôn xảy ra to tiếng, đánh, cãi chửi nhau và sống không còn tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đem lại kết quả. Tháng 2/2019 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tổ dân phố Đ, phường D, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam sống, vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bầy của đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng chị Trinh và anh Văn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Tú T và anh Dương Thế V có hai con chung là cháu Dương Phú T, sinh ngày 01/11/2012 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 11/7/2018, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị T, khi ly hôn chị T xin được nuôi cháu T và cháu H. Xét thấy cháu T và cháu Hcòn nhỏ đang được chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Do đó giao cháu T và cháu H cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh V không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Tú T và anh Dương Thế V.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phú T, sinh ngày 01/11/2012 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 11/7/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh V không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002134 ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt